

# LỜI ĐỀ TỪ TRONG TIỂU THUYẾT *NGƯỜI CON GÁI VIÊN ĐẠI ÚY* (A. S. PUSHKIN) QUA BẢN DỊCH CỦA CAO XUÂN HẠO

## EPIGRAPH IN NOVEL *THE CAPTAIN'S DAUGHTER* (A. S. PUSHKIN) THROUGH THE TRANSLATION OF CAO XUAN HAO

Vũ Thường Linh\*

Trường Đại học Sư phạm – Đại học Đà Nẵng, Việt Nam<sup>1</sup>

\*Tác giả liên hệ / Corresponding author: vuthuonglinh@gmail.com

(Nhận bài / Received: 20/12/2023; Sửa bài / Revised: 27/02/2024; Chấp nhận đăng / Accepted: 14/3/2024)

**Tóm tắt** - Tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* của Pushkin được các nhà nghiên cứu đánh giá là “cuốn bách khoa toàn thư” bằng văn xuôi về đời sống Nga cuối thế kỉ XVIII. Trong tác phẩm này, Pushkin thể hiện mình là một nhà văn-nghệ sĩ biết kết hợp sự thật trong việc phản ánh đời sống thực tại với cách diễn đạt đặc biệt đầy thi vị, với vẻ đẹp chân thực tuyệt vời. Bài viết tập trung phân tích những lời đề từ - những cấu trúc cú pháp đặc biệt có vai trò quan trọng trong kết cấu tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* của A. S. Pushkin, thể hiện chủ đề tác phẩm, góp phần hé lộ cho độc giả về diễn biến của cốt truyện và số phận của các nhân vật. Trên cơ sở đối chiếu bản dịch với nguyên tác, bài viết làm rõ ưu điểm và hạn chế của các phương thức chuyển ngữ mà dịch giả Cao Xuân Hào đã sử dụng nhằm truyền đạt được tính hình tượng và ý nghĩa sâu xa của những lời đề từ trong thiên tiểu thuyết.

**Từ khóa** - Văn phong; lời đề từ; tục ngữ; ca khúc dân gian; bản dịch; tính tương đương

### 1. Dẫn nhập

*Người con gái viên đại úy* là tác phẩm văn xuôi hoàn thiện cuối cùng của A. S. Pushkin (1799-1837). Thiên tiểu thuyết viết về cuộc khởi nghĩa nông dân do Yemelyan Pugachev lãnh đạo, một sự kiện từng gây chấn động nước Nga cuối thế kỉ XVIII. Tác phẩm được xây dựng dưới dạng hồi ký của người sĩ quan Pyotr Grinyov, chứng nhân của cuộc bạo loạn, người trực tiếp tham gia bảo vệ các vùng lãnh thổ nước Nga trước những động thái của quân khởi nghĩa. Qua những dòng hồi tưởng đầy cảm xúc của Pyotr Grinyov, nhân vật chính, đồng thời là người kể chuyện, từng mảnh ghép của bức tranh hiện thực lịch sử và đời sống nước Nga thời nữ hoàng Ekaterina II dần hiện lên chân thực và đầy biểu cảm. Nhà phê bình văn học Nga V.G. Belinsky đặc biệt đánh giá cao tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* của Pushkin. Đặt tác phẩm trong sự đối sánh với tiểu thuyết bằng thơ *Eugene Onegin* của Pushkin, Belinsky coi *Người con gái viên đại úy* là một “*Onegin bằng văn xuôi*”, ý muốn nói đến khả năng bao quát hiện thực rộng lớn, tái hiện chân thực và sinh động bức tranh đời sống xã hội Nga, cũng như chiều sâu của nội dung tác phẩm.

Tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* là tác phẩm được độc giả thế giới biết đến nhiều nhất trong số các sáng tác của Pushkin. Vượt ra ngoài biên giới nước Nga, kiệt tác này đã được dịch hơn 200 lần bằng các ngôn ngữ khác nhau: tiếng Thụy Điển, Anh, Pháp, Đan Mạch, Sec-Slovakia, Hà Lan, Hungari, Bungari, Tây Ban Nha, Trung

**Abstract** - A. S. Pushkin's novel *The captain's daughter* is considered by researchers as a prose "encyclopedia" of Russian life in the late eighteenth century. In this work, Pushkin demonstrates himself as a writer-artist who combines truth in reflecting real life with a particularly poetic expression, with incredible genuine beauty. This article is devoted to analyzing the epigraphs - special syntactic structures that play an important role in the structure of A. S. Pushkin's novel *The captain's daughter*, express the theme of the work, contribute to revealing to the reader the development of the plot and the fate of the characters. Based on comparing translation with the original, the article clarifies the advantages and limitations of the translation approaches that translator Cao Xuan Hao used to convey the symbolism and deep meaning of the epigraphs in the novel.

**Key words** - Style; epigraph; proverb; folk songs; translation; adequacy

Quốc, Nhật Bản... Bản Việt ngữ của tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* được xuất bản tại Hà Nội năm 1960 do giáo sư Cao Xuân Hào chuyển dịch từ tiếng Pháp. Sau này, dịch giả hoàn thiện bản dịch đầu tiên trên cơ sở làm việc trực tiếp với nguyên bản tiếng Nga. Năm 1985, bản dịch được in lần thứ hai trong tập “*Aléxchandro Puskin. Tuyển tập văn xuôi*” do nhà xuất bản Cầu vồng ấn hành tại Moscow. Từ những năm 1990 tới nay, độc giả Việt Nam nhiều thế hệ tiếp tục có cơ hội tiếp cận với kiệt tác bất hủ này của Pushkin qua các ấn phẩm tái bản. Tác phẩm cũng thu hút sự quan tâm của nhiều nhà khoa học Việt Nam như: Đỗ Hồng Chung, Lưu Liên, Hà Thị Hòa, Thành Đức Hồng Hà, Lê Thời Tân... Điều đó cho thấy sức sống trường tồn của những kiệt tác của Pushkin nói chung, và tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* nói riêng ngoài biên giới nước Nga. Tuy nhiên, việc nghiên cứu tác phẩm này từ góc nhìn lí thuyết dịch thuật vẫn chưa được bàn thảo sâu rộng.

Bài viết sử dụng phương pháp so sánh đối chiếu và phân tích tổng hợp nhằm đánh giá vai trò của những lời đề từ trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy*, đồng thời làm rõ hiệu quả của những phương thức truyền tải các đơn vị cú pháp đó tới độc giả Việt Nam.

### 2. Dịch văn học – một loại hình dịch thuật đặc biệt

Trong lịch sử văn học và văn hóa thế giới, các ấn phẩm dịch văn học có ý nghĩa và vai trò quan trọng. Các tác phẩm văn học được chuyển ngữ đã giúp độc giả từ khắp các châu

<sup>1</sup> The University of Danang - University of Science and Education, Vietnam (Vu Thuong Linh)

lục tiếp cận những kiệt tác của các cây bút lỗi lạc trên văn đàn thế giới. Các nhà nghiên cứu lí thuyết dịch coi dịch văn học như một loại hình dịch thuật đặc biệt, một thể loại văn học đặc biệt với những đặc điểm riêng biệt cả về cấu trúc lẫn nội dung, chứa đựng những đánh giá mang cảm xúc của dịch giả đối với tác phẩm được chuyển ngữ. Đó là việc tái tạo lại một tác phẩm văn học của ngôn ngữ nguồn bằng cách sử dụng những phương tiện ngôn ngữ đích, trong một không gian và thời gian khác. Khi tiếp cận với một tác phẩm văn học nước ngoài, dịch giả phải đứng trước không ít thử thách: rào cản về ngôn ngữ, văn hóa, hệ thống hình tượng nghệ thuật được xây dựng trong nguyên tác... Nhà nghiên cứu văn học Huỳnh Lý đã đưa ra những yêu cầu vô cùng nghiêm khắc đối với mỗi dịch giả văn học: phải tường tận ngôn ngữ nguồn; hiểu ngôn ngữ văn học của nước bạn ở thời đại của tác giả nguyên tác; đồng thời sử dụng thành thạo ngôn ngữ đích [1, tr. 215].

Có rất nhiều tiêu chí để đánh giá một bản dịch nói chung, bản dịch văn học nói riêng, trong đó quan trọng nhất là dịch đúng. Theo dịch giả Lê Bá Thự, người đã chuyên ngữ nhiều tác phẩm văn học Ba Lan: “<...> tiêu chí của dịch văn học phải là *đúng*, tức là *dịch đúng* <...> *Đúng* có nghĩa là phải dịch chuẩn xác lời văn và tinh thần của nguyên bản. Phải tìm cho được những từ, những thuật ngữ tương ứng trong tiếng Việt để dịch cho đúng với nội dung bản gốc” [2]. Dịch giả Lê Bá Thự cũng nhận định rằng dịch đúng còn có nghĩa là “bản dịch phải giữ cho được văn phong của tác giả. Đọc bản dịch người đọc cảm nhận được phong cách của tác giả như đọc bản gốc vậy. Mỗi tác giả có phong cách của riêng mình, người dịch phải hành văn trong tiếng Việt sao cho đúng với phong cách đó, giữ cho được phong cách đó” [2].

Theo kiến giải của các nhà nghiên cứu lí thuyết dịch người Nga như A.V. Fyodorov, V.V. Sdobnikov..., có một số nguyên tắc quan trọng mà một bản dịch văn học cần tuân thủ. Đó là phải giữ được sắc tố dân tộc của nguyên tác, và tuân thủ chất riêng trong văn phong của tác giả.

Nhà nghiên cứu A.V. Fyodorov, người sáng lập nên lí thuyết dịch của Nga, cho rằng muốn giữ được sắc tố dân tộc của nguyên tác thì cả dịch giả lẫn người đọc phải có kiến thức nền về bức tranh văn hóa được tái hiện trong tác phẩm [3, tr.278]. Bàn thảo về vấn đề đảm bảo sắc màu dân tộc của nguyên tác,... Sdobnikov phân tích các cách xử lí khác nhau, trong đó có trường hợp dịch giả phải biết dung hòa giữa hai đối cực “của mình” và “của người khác”... Sdobnikov cho rằng một văn bản chuyên ngữ thành công phải chứa đựng một khối lượng thông tin đất nước học phù hợp để thể hiện màu sắc văn hóa dân tộc của nguyên tác, lí giải được những hành động và cảm xúc của nhân vật [4, tr.403].

Chuyển tải tới độc giả nét riêng trong phong cách của tác giả nguyên tác cũng là một thử thách vô cùng khó khăn đối với các dịch giả. Theo ý kiến của nhà nghiên cứu A.V. Fyodorov, mối liên hệ giữa nguyên tác với thời đại, bối cảnh xã hội, bức tranh văn học, cũng như thế giới quan, quan điểm mỹ học của tác giả và dịch giả là vô cùng quan trọng, quyết định thành công của bản dịch.

Như vậy, dịch văn học là một hành trình nhiều gian nan, đòi hỏi mỗi sứ giả trên hành trình nói nhíp cầu văn hóa phải đáp ứng những yêu cầu khắt khe. Nhằm giới thiệu tới độc giả những kiệt tác bất hủ của văn học thế giới, để tái hiện

một bức tranh mang đậm sắc màu văn hóa của một dân tộc khác được phản ánh trong nguyên tác, các dịch giả phải sử dụng thành thạo cả ngôn ngữ nguồn và ngôn ngữ đích, đồng thời phải có kiến thức nền sâu rộng về văn hóa, am tường lịch sử, phong tục tập quán và lối sống của dân tộc sử dụng ngôn ngữ được dịch.

### 3. Những lời đề từ trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* và các phương thức chuyên ngữ sang tiếng Việt

Đại thi hào Nga Pushkin ngay từ thuở ấu thơ đã được tiếp cận với sáng tác dân gian qua những câu chuyện cổ, những lời hát ru của bà nữ mẫu Arina Rodionovna. Trong suốt những năm tháng phải chịu cảnh lưu đày từ phương Nam tới phương Bắc (1820-1826), thi sĩ được gần gũi với quần chúng nhân dân, được đắm mình trong không gian nghệ thuật dân gian. Pushkin đã khám phá được cả kho tàng quý báu những sáng tác dân gian, để rồi vận dụng khéo léo và hiệu quả nguồn ngữ liệu phong phú ấy trong nhiều tác phẩm của mình. Trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy*, từ những lời đề từ của tác phẩm cho tới phát ngôn của các nhân vật đều mang đậm sắc màu dân gian.

Lời đề từ trong tác phẩm văn học từ lâu đã thu hút sự chú ý của các nhà nghiên cứu bởi tính đa dạng về cấu trúc, vị trí đặc biệt trong văn bản cũng như tính đa chức năng của những đơn vị cú pháp này. Theo Từ điển bách khoa thuật ngữ và khái niệm văn học do Viện Hàn lâm khoa học Nga ấn hành, “Lời đề từ (từ tiếng Hy Lạp epigraphe – dòng chữ đề) là trích dẫn chính xác hay đã được thay đổi từ văn bản khác, dẫn vào toàn bộ tác phẩm hoặc một phần của tác phẩm” [5, tr.850]. Đại thi hào Nga A.S. Pushkin sử dụng lời đề từ trong tất cả các thể loại mà ông sáng tác. Những lời đề từ hé lộ ý nghĩa hàm ẩn, mạch ngầm văn bản của tác phẩm, làm sáng tỏ những quan điểm triết học và mỹ học của nhà văn. Bằng cách sử dụng lời đề từ, Pushkin dường như mở rộng đường biên những tác phẩm của mình, kết nối nội dung, ý nghĩa, văn phong của những sáng tác ấy với những điều mà các tiền nhân trước ông đã nói bằng nhiều ngôn ngữ thuộc các nền văn hóa khác nhau trên thế giới.

Tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* gồm 14 chương. Pushkin trong vai trò người xuất bản tập “bút ký gia đình” của người sĩ quan Grinyov đã cân nhắc lựa chọn từng lời đề từ cho phù hợp với mỗi chương cũng như toàn bộ tác phẩm. Nhà văn sử dụng các trích đoạn với văn phong và thể loại khác nhau làm lời đề từ cho thiên tiểu thuyết. Đó là những câu tục ngữ, lời ca dân gian do nhà văn sưu tầm từ kho tàng văn học dân gian Nga. Một số lời đề từ được trích từ sáng tác của các nhà thơ, nhà văn tiền bối của Pushkin, hoặc do chính Pushkin sáng tác theo bút pháp của những người đi trước. Những lời đề từ ấy thể hiện mâu thuẫn chính, chủ đề, tư tưởng của tác phẩm, dự báo cho độc giả về bối cảnh mà tác giả sẽ miêu tả trong từng chương truyện. Lời đề từ còn đóng vai trò dẫn truyện, là những chiếc chìa khóa nội dung của từng chương, cũng như toàn bộ tác phẩm, từ đó tạo nên một chỉnh thể thống nhất với cả tác phẩm.

Khảo sát bản Việt ngữ do Cao Xuân Hạo thực hiện, tác giả nhận thấy dịch giả sử dụng linh hoạt nhiều phương thức dịch nhằm đảm bảo sự trung thành với nguyên tác, giúp người đọc cảm nhận được nội dung cốt lõi của những lời đề từ trong tác phẩm.

### 3.1. Lựa chọn trong tiếng Việt những đơn vị tương đương

Phương thức này được dịch giả vận dụng đối với trường hợp lời đề từ là câu tục ngữ Nga. Tục ngữ chiếm vị trí đáng kể trong hệ thống từ vựng của thiên tiểu thuyết. Những “từ ngữ đẹp” đó tạo nên màu sắc dân gian đậm nét cho ngôn ngữ của các nhân vật xuất thân từ quần chúng. Những diễn đạt hình tượng và hàm súc được sử dụng trong phát ngôn của các nhân vật vô cùng tự nhiên, tạo cho ngôn ngữ của họ tính biểu cảm, tác động mạnh mẽ và sâu sắc đối với người nghe. Những câu tục ngữ còn đóng vai trò lời đề từ của toàn tác phẩm (“*Береги честь молоду*” - “Hãy giữ gìn danh dự từ khi còn trẻ trung”), lời đề từ các chương VIII (“*Незванный гость хуже татарина*” - “Khách không mời còn tệ hơn một tên giặc tặc ta”) và chương XIV (“*Мирская молва – Морская волна*” - “Miệng thế gian như làn sóng bể”). Câu đề từ của tác phẩm “*Береги честь молоду*” - “Hãy giữ gìn danh dự từ khi còn trẻ trung” thể hiện tư tưởng chủ đạo của thiên tiểu thuyết, dự báo cho độc giả về chủ đề mà nhà văn đề cập đến trong 14 chương truyện. “Danh dự” là phẩm chất cao đẹp mà các nhân vật của tác phẩm nuôi dưỡng, giữ gìn trên suốt hành trình trưởng thành. Lời đề từ chương VIII (“*Незванный гость хуже татарина*” - “Khách không mời còn tệ hơn một tên giặc tặc ta”) ám chỉ vị thủ lĩnh quân phiến loạn Pugachev cùng đám phiến quân của ông ta, những vị “khách không mời” đã đánh chiếm đồn Belogor nơi chàng sĩ quan trẻ Grinyov đang đóng quân và gây nên cảnh chia lìa, tang tóc nơi đây. Lời đề từ chương XIV (“*Мирская молва – Морская волна*” - “Miệng thế gian như làn sóng bể”) gợi mở nội dung sẽ được kể ở chương cuối của tác phẩm: những sóng gió đang chờ chàng sĩ quan Grinyov, hành trình khôi phục danh dự sau những tin đồn về mối giao hảo lạ kì giữa anh và người lãnh đạo phong trào khởi nghĩa nông dân Pugachev. Trong những lời đề từ-tục ngữ trên, chỉ câu tục ngữ “*Мирская молва – Морская волна*” tìm được đơn vị tương đương trong tiếng Việt “Miệng thế gian như làn sóng bể”. Phương thức chuyển ngữ này chuyển tải tới người đọc dung lượng ngữ nghĩa, giúp dịch giả bảo toàn tính hình tượng của câu tục ngữ gốc, đồng thời giữ được tính hàm súc, tính châm ngôn, sắc màu dân gian của lời đề từ. Dịch giả Cao Xuân Hạo đã tìm thấy sự tương đồng trong những nét khác biệt giữa hai ngôn ngữ, hai nền văn hóa. Câu tục ngữ Việt mang nét tương đồng với tục ngữ Nga về ý nghĩa cũng như cấu trúc, giúp dịch giả bảo toàn được tính hàm súc của nguyên tác.

### 3.2. Dịch mô phỏng

Dịch mô phỏng là phương thức chuyển dịch những đơn vị từ vựng, cú pháp của ngôn ngữ nguồn bằng cách “thay thế những đơn vị cấu thành nên chúng – từ tố hoặc các từ bởi nghĩa từ vựng tương ứng trong ngôn ngữ đích” [6, tr.100].

Phương thức dịch mô phỏng được dịch giả Cao Xuân Hạo vận dụng đối với trường hợp những lời đề từ là những câu tục ngữ Nga không có đơn vị tương đương trong tiếng Việt. Lời đề từ cho toàn bộ tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* là một phần của câu tục ngữ “*Береги платье снову, а честь – молоду*” (nghĩa bóng trong tiếng Nga: Giữ áo từ lúc lành, giữ danh từ lúc trẻ). Cấu trúc đầy tính hàm súc này thể hiện tư tưởng chủ đạo của tác phẩm. Ý nghĩa sâu sắc của câu tục ngữ Nga một lần nữa được gửi gắm trong lời tiễn biệt của người lính già Andrey Grinyov dành cho người con trai yêu quý trước khi chàng trai trẻ bắt đầu hành trình quân ngũ đầy

thử thách: “*Прощай, Петр. Служи верно, кому присягнешь; слушайся начальников; за их лаской не гоняйся; на службу не напрашивайся; от службы не отговаривайся; и помни пословицу: береги платье снову, а честь молоду*” [7, tr. 9] (trong bản dịch: “Con đi đi nhé. Con phải phụng sự cho trung thành Đức vua mà con sẽ tuyên thệ; con phải tuân lệnh cấp trên; đừng có nịnh nọt, xin xỏ gì họ; đừng có xin thêm việc mà cũng đừng lẩn tránh công việc; phải nhớ lấy câu châm ngôn: phải giữ gìn áo quần từ khi hãy còn mới, phải giữ gìn danh dự từ khi hãy còn trẻ trung” [8, tr.121]. Trong lời đề từ và lời nhân vật, dịch giả đều sử dụng phương thức dịch mô phỏng. Cách chuyển dịch này làm giảm tính hàm súc của câu tục ngữ, tuy nhiên, câu tục ngữ Nga được tái hiện trong bản dịch không đơn thuần là sự lắp ghép một cách máy móc các từ ngữ cấu thành nó, bởi dịch giả vẫn chuyển tải được ý nghĩa giáo dục sâu xa của lời đúc kết dân gian về việc giữ trọn nhân cách con người trong mọi hoàn cảnh thử thách cam go, thể hiện được niềm hi vọng lớn lao của đấng sinh thành gửi gắm nơi đứa con trai sẽ đảm nhận trọng trách vinh quang trong quân đội Nữ hoàng.

Câu tục ngữ “*Незванный гость хуже татарина*” (lời đề từ của chương VIII) cũng được chuyển ngữ bằng phương thức dịch mô phỏng - “Một người khách bất đắc dĩ còn tệ hơn một tên giặc tatarin” - nhằm bảo toàn tính hình tượng của câu tục ngữ gốc. “Giặc tatarin” là cụm từ nhắc nhớ về thời kì xâm lược của Đế chế Mông Cổ trên các vùng đất Nga cổ đại đầu thế kỉ XIII (1237-1242). Cuộc xâm lược này là một đòn giáng mạnh vào các xứ Nga. Phải mất gần 100 năm thì các xứ Nga mới phục hồi hoàn toàn sau các hư hại do quân đội Mông Cổ gây ra. Trong câu tục ngữ gốc, từ “*татарин*” gọi tên một thực thể văn hóa, gọi lại kí ức về một trang sử của nước Nga, cần được chú giải kĩ lưỡng để độc giả Việt Nam hiểu sâu, bởi không phải ai cũng có thể am hiểu chi tiết về lịch sử Nga. Trong bản dịch, từ ngữ này được chuyển ngữ bằng phương thức phiên âm. Đây là phương thức dịch thuật tái hiện các âm tiết và chữ cái của đơn vị từ vựng thuộc ngôn ngữ nguồn, mà không thể hiện được ý nghĩa của từ ngữ.

### 3.3. Dịch thoát ý

Dịch thoát ý là phương thức chuyển ngữ được dịch giả vận dụng phổ biến nhất nhằm chuyển tải tới độc giả dung lượng ngữ nghĩa của những lời đề từ trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy*. Tác giả đặc biệt chú ý đến những lời đề từ được trích từ các ca khúc dân gian Nga với hình thức thể hiện là văn bản thơ. Một trong những khó khăn cơ bản đối với các dịch giả Việt Nam trong quá trình chuyển ngữ văn bản thơ ca Nga chính là sự khác biệt giữa các thể thơ Nga và Việt Nam về cấu trúc ngữ điệu - trọng âm, hệ thống thanh điệu, cách sắp xếp vần thơ. Trong bản Việt ngữ của tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy*, dịch giả Cao Xuân Hạo cố gắng bám sát văn bản gốc nhằm bảo toàn nội dung chính của những ca khúc dân gian Nga được dẫn trong lời đề từ của các chương II, III, V, VII, XII, giúp người đọc đoán biết được diễn biến sự kiện ở các chương đó. Tuy nhiên, điểm hạn chế rõ rệt của bản dịch là không bảo đảm toàn vẹn hình thức nghệ thuật của văn bản, thể thơ Nga không tìm được hình thức tương đương trong bản Việt ngữ. Để giảm thiểu sai lệch so với nguyên tác, đồng thời giữ được màu sắc văn phong của những ca từ dân gian, dịch giả Cao Xuân Hạo đã sử dụng những chất liệu quen thuộc của nghệ thuật dân gian Việt Nam

như thể thơ lục bát (lời đề từ của các chương II, III, V, XII) hay thơ bốn chữ (lời đề từ chương VII).

Các chương V và XII của tiểu thuyết nói về số phận của nàng Masha Mironova, con gái của đại úy Mironov, về mối duyên lành của nàng với chàng sĩ quan trẻ Grinyov. Lời đề từ của những chương này được dẫn từ các ca khúc dân gian và khúc ca đám cưới. Tiêu biểu như trường hợp lời đề từ chương V:

“Hỡi cô con gái đang thì  
 Cô đã vội gì tính chuyện chồng con?  
 Hỏi thầy hỏi mẹ thì hơn,  
 Hỏi thêm làng xóm bà con đã nào!  
 Vốn đời hãy góp cho cao  
 Của hồi môn nữa, thêm vào... cô ơi!” [8, tr.160]

Tác giả nhận thấy ưu điểm của bản dịch là truyền đạt chân thực dung lượng ngữ nghĩa của văn bản gốc. Người đọc có thể cảm nhận được mối liên hệ giữa lời đề từ với những sự kiện được kể trong chương V. Lời đề từ này được trích từ một ca khúc đám cưới truyền thống của nhân dân Nga. Những lời ca chính là lời của bà con lối xóm về hoàn cảnh của cô dâu. Những ca từ ấy ám chỉ tình cảnh của người con gái ông đồn trưởng Mironov – nàng Masha, và chàng sĩ quan trẻ Grinyov: nguyện vọng của Grinyov được kết hôn với Masha bị cha của anh từ chối, Masha sẽ không thể nên duyên cùng chàng trai trẻ nếu không nhận được sự chúc phúc của cha mẹ anh. Thể thơ lục bát truyền thống mang lại cho bản dịch âm hưởng dân gian, tạo cảm giác gần gũi đối với độc giả Việt Nam. Tuy nhiên, bên cạnh giá trị đạt được, bản dịch không tránh khỏi hạn chế: sắc thái cổ ngữ của các từ tiếng Nga cổ như “девка” hay “красный” trong bản Việt ngữ hoàn toàn bị phai nhạt. Những mất mát của bản dịch so với nguyên tác làm giảm giá trị nghệ thuật của tác phẩm, gây cản trở độc giả tiếp nhận trọn vẹn bức tranh văn hóa được tái hiện trong tiểu thuyết cũng như thông hiểu và đánh giá những nét đặc sắc của tác phẩm.

Lời đề từ chương VII trích từ một ca khúc dân gian kể về số phận bi thương của một người mà suốt “băm ba năm ròng” chưa từng nhận được địa vị, bổng lộc, mà phải chịu kết cục bi thảm trên giá treo cổ. Lời ca vang lên tựa như những lời thổ thức, khóc than cho số phận đau thương của con người. Lời đề từ chính là tín hiệu dự báo cho người đọc về số phận của đại úy Mironov, một người lính can trường, trung thành với bốn phận và lời tuyên thệ của mình, suốt đời một lòng phụng sự Tổ quốc, nhưng chưa nhận được chút bổng lộc gì cho bản thân đã phải bỏ mạng trên giá treo cổ khi quân phiến loạn đánh chiếm đồn Belogor.

“Cái đầu của tôi!  
 Cái đầu ngoan ngoãn  
 Đã từng tông ngữ  
 Băm ba năm ròng.  
 Ôi, nó chả được  
 Lấy chút thú vui  
 Không được một lời  
 Ôn tồn âu yếm;  
 Không có địa vị

Quyền quý giàu sang;  
 Chỉ hai thanh dọc,  
 Với một thanh ngang,  
 Lại thêm sợi thừng  
 Thắt thành thòng lọng” [8, tr.289].

Nhằm tái hiện màu sắc dân gian của lời đề từ, dịch giả Cao Xuân Hạo đã lựa chọn thể thơ bốn chữ, gọi liên tưởng đến những bài đồng dao Việt Nam. Khi đọc những dòng thơ, đòi hỏi người đọc phải thường xuyên ngắt nghỉ, từ đó có thể cảm nhận được ngữ điệu của đoạn thơ, đồng thời trải nghiệm cảm giác cất lên những lời thương cảm, xót xa cho số phận hẩm hiu của nhân vật. Lời đề từ này kết nối độc giả với cảnh hành hình những người đứng đầu đồn Belogor khi đồn bị quân phiến loạn của Pugachev chiếm đóng. Thành công của dịch giả thể hiện ở việc lựa chọn thể thơ phù hợp để bảo toàn được sắc thái dân gian và giá trị biểu cảm của nguyên tác.

#### 4. Kết luận

Những lời đề từ trong tiểu thuyết *Người con gái viên đại úy* của đại thi hào Nga A. S. Pushkin đóng vai trò quan trọng trong kết cấu tư tưởng của tác phẩm, có mối liên hệ mật thiết với toàn bộ thiên tiểu thuyết. Đó là phương tiện mà tác giả sử dụng nhằm dự báo tới người đọc chủ đề của thiên tiểu thuyết. Lời đề từ dẫn dắt độc giả vào câu chuyện được kể, thể hiện tâm tư của nhân vật, đảm nhận vai trò những chiếc chìa khóa nội dung, giúp người đọc hiểu rõ diễn biến cốt truyện. Phân tích bản Việt ngữ do dịch giả Cao Xuân Hạo thực hiện, tác giả nhận thấy phương thức tối ưu là tái tạo những lời đề từ bằng các đơn vị tương đương trong tiếng Việt. Phương thức dịch mô phỏng trong một số ngữ cảnh không đảm bảo được tính chính xác tuyệt đối của bản dịch. Phương thức dịch thoát ý chỉ giúp độc giả Việt Nam hiểu rõ nội dung chính của văn bản gốc, trong nhiều trường hợp nguyên tác mất đi hoàn toàn sắc thái văn phong vốn có, làm giảm giá trị nghệ thuật của tác phẩm, cản trở quá trình tiếp nhận của độc giả. Những thể thơ mộc mạc mà dịch giả Cao Xuân Hạo sử dụng khi chuyển ngữ những lời đề từ trích từ ca khúc dân gian mang lại âm hưởng quen thuộc của những lời ca dao, đồng dao Việt Nam. Những điều được kể trong tác phẩm của nhà văn Nga nhờ thế mà trở nên gần gũi, dễ tiếp nhận đối với độc giả Việt Nam.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] H. T. Thong, *The roads. Translate literature - Literary translation Essays and autographs*, Hanoi: Literature Publishing house, 2009.
- [2] L. B. Thu, “Criteria of literary translation”. [vnexpress](https://vnexpress.net/tieu-chi-cuadich-van-hoc-1970747.html), 2012, [Online]. Available: <https://vnexpress.net/tieu-chi-cuadich-van-hoc-1970747.html>. [Accessed: June 10, 2023].
- [3] A.V. Fyodorov, *Fundamentals of the general theory of translation (linguistic problems)*, Moscow: High school, 1983.
- [4] V. V. Sdobnikov, *Theory of translation*, Moscow: AST: The east-West, 2007
- [5] A. N. Nikol'yukin, *Literary Encyclopedia of terms and concepts*, Moscow: NPK «Intelvak», 2001.
- [6] L. S. Barkhudarov, *Language and translation (Questions of the general and private theory of translation)*, Moscow, 1975.
- [7] A.S. Pushkin, *The captain's daughter*, Leningrad: Science Publishing house, 1985.
- [8] A.S. Pushkin, *Dubrovsky. The captain's daughter* (Translated by Cao Xuan Hao), Hanoi: Culture Publishing house, 1960.